

Bản án số: 210/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v Tranh chấp về hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971; Địa chỉ liên lạc: 8 L, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2024); (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Thân Thị Bích T1, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: 2 P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 15/05/2019, bà T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Visa, số thẻ là 472074 - 4814, lãi suất áp dụng là 2.6% tháng. Sau khi bà T1 được cấp Thẻ tín dụng, bà T1 đã

thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã sử dụng qua thẻ tín dụng này là 729.287.557đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 689.677.334đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở việc thanh toán nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ, do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là 58.180.652đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) và số tiền còn thiếu tính đến ngày 06/05/2024 là 139.866.452đồng, trong đó nợ gốc là 58.180.652đồng và nợ lãi quá hạn là 81.685.800đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Thân Thị Bích T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2024 là 145,917,252đồng, trong đó nợ gốc là 58,180,652đồng, nợ lãi quá hạn là 87,736,600đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Thân Thị Bích T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyên hồ sơ và việc giao giấy tờ cho đương sự, Viện kiểm sát là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị, Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Thân Thị Bích T1 phải thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/7/2024 là 145,917,252đồng, trong đó nợ gốc là 58,180,652đồng, nợ lãi quá hạn là 87,736,600đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, lời khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Trần Gia T là đại diện ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt văn bản theo đúng qui định nhưng bị đơn bà Thân Thị Bích T1 vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của các đương sự: Căn cứ vào văn bản ủy quyền thể hiện việc ủy quyền của đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.3]. Về quan hệ tranh chấp: Qua nghiên cứu nội dung vụ án xét thấy bà Thân Thị Bích T1, theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn nợ lại số tiền gốc và lãi còn thiếu, nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Thân Thị Bích T1 phải thanh toán theo các hợp đồng trên. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Thân Thị Bích T1 cư trú tại số B P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên được ký kết giữa hai bên vào ngày 15/5/2019, do bà Thân Thị Bích T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 23/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu làm nợ gốc. Mặt khác, đến ngày 28/12/2023 Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên là còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/5/2019 thể hiện bà Thân Thị Bích T1 và Ngân hàng phát sinh việc vay tài sản; bà Thân Thị Bích T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã sử dụng qua thẻ tín dụng này là 729.287.557đồng; với lãi suất thỏa thuận như sau: lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2.6%tháng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân và mua hàng hóa, lãi suất nợ quá hạn là 150% (là bằng lãi suất nợ trong tháng 2,6%/tháng x 150%). Do đó, điều này đủ cơ sở xác định hai bên đã xác lập giao dịch về hợp đồng vay tài sản, bên cho vay là Ngân hàng và bên vay là bà Thân Thị Bích T1.

Theo lời trình bày của đại diện của Ngân hàng, đồng thời căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà Thân Thị Bích T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 689,677,334 đồng (số tiền này được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí, lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí, lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt của trong kỳ, giao dịch của mua hàng hóa trong kỳ). Sau đó, do bà Thân Thị Bích T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu vào thời điểm này là 58,180,652 đồng làm nợ gốc, đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 25/7/2024, bà Thân Thị Bích T1 còn thiếu Ngân hàng số tiền là 145,917,252 đồng, gồm các khoản sau: Nợ gốc là 58,180,652 đồng và N lãi quá hạn là 87,736,600 đồng. Vì vậy, do bà Thân Thị Bích T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng yêu cầu bà Thân Thị Bích T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2.]. Về thời thanh toán: Ngân hàng yêu cầu bà Thân Thị Bích T1 trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vì số nợ này đã kéo dài nên ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu bà Thân Thị Bích T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng hai bên thỏa thuận là có cơ sở như quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và đồng thời hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 429; Điều 463; khoản 5 Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Thân Thị Bích T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/5/2019, tính đến ngày 25/7/2024 bao gồm: Nợ gốc: 58,180,652đồng (Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng); Nợ lãi quá hạn: 87,736,600đồng (Tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng); Tổng cộng: 145,917,252đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

Thanh toán số tiền trên làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về trách nhiệm thi hành án: Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, T3 phò Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thân Thị Bích T1 phải chịu án phí là 7.295.863đồng (Bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.239.502đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm lẻ hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009544 ngày 23/01/2024.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Nam